

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HS-ST
Ngày: 12-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu
- Ông Độ Nhật Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thuỳ Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2024/TLST- HS, ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 184/2024/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1995; nơi sinh tại thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn L, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ng và bà Võ Thị L1; vợ, con chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18/12/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/12/2013; ngày 21/01/2022, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 02/5/2023. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Đình L2, sinh năm 1956; nơi cư trú thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Bà Lê Thị Hồng Ph2, sinh năm 1989; nơi cư trú Tổ 30, KV 6, phường H, Tp Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Văn H1, sinh năm 1988; nơi cư trú thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hồ Chí H2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 30, khu phố 6, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. có mặt.

2. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 5, thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định. vắng mặt.

3. Lê Thị Hồng Ng1, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2007; nơi cư trú: Đội 9, thôn Đ, xã Ph4, huyện T, tỉnh Bình Định. vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Hồng Ng1: Cha, mẹ của Lê Thị Hồng Ng1 đại diện theo pháp luật. vắng mặt.

4. Chị Lê Thị Cẩm, sinh năm 1999; nơi cư trú: Đội 9, thôn Đ, xã Ph4, huyện T, tỉnh Bình Định. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 02/4/2024, bị cáo Trần Văn N đến quán ăn “Cô Phúc” ở thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định (do bà Lê Thị Hồng Ph2 làm chủ) để ăn uống với bạn là Lê Thị C và em ruột C là Lê Thị Hồng Ng1. Trong quá trình ăn uống, N và bà Lê Thị Hồng Ph2 nói qua nói lại về việc trước đây quán bà Ph2 và quán ăn bên cạnh xảy ra kinh cãi giành khách. Sau đó, N và bà Ph2 phát sinh mâu thuẫn, kinh cãi với nhau. Hai bên kinh cãi qua lại thì bị cáo N lấy cái tô đang đặt trên bàn trong quán ném về phía bà Ph2 nhưng không trúng. Lúc này, bà Ph2 lấy con dao đang để tại khu vực chặt gà chém về phía bị cáo N. Bị cáo N lùi lại thì bà Ph2 cầm dao xông đến chỗ bị cáo. N lấy cái ghế nhựa màu xanh trắng có tựa lưng đánh liên tiếp 03 cái từ trên xuống vào người bà Ph2 trúng vào vùng đầu, vai phải và tay phải của bà Ph2 thì bà Ph2 thả con dao xuống đất. Bà Ph2 bỏ chạy ra trước quán và hô hoán thì cha ruột của bà Ph2 là ông Lê Đình L2 chạy đến. Ông L2 lấy con dao dưới đất do bà Ph2 làm rơi trước đó xông đến chỗ N. Ông L2 cầm dao chém về phía N thì N lấy ghế đánh lại về phía ông L2 trúng vào tay phải của ông L2 và làm ông L2 khụy gối xuống đất. Hai bên đánh nhau qua lại, vừa đánh N vừa lùi về đường Quốc lộ 1A trước quán của bà Ph2 rồi bỏ chạy. Hậu quả: bà Lê Thị Hồng Ph2 bị thương tích được đưa đi khám và điều trị tại Trung tâm y tế thị xã A và Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định; ông Lê Đình L2 bị thương tích được đưa đi khám và điều trị tại Trung tâm y tế thị xã A.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 117/KLTTCT-PYBD ngày 18/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị Hồng Ph2 tại thời điểm giám định là 12%.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 118/KLTTCT-PYBD ngày 18/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Đình L2 tại thời điểm giám định là 07% .

Bà Lê Thị Hồng Ph2 yêu cầu bồi thường số tiền 6.608.000 đồng, ông Lê Đình L2 yêu cầu bồi thường số tiền 5.230.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Lê Đình L2 và bà Lê Thị Hồng Ph2 khai đã nhận 6.000.000đ tiền bồi thường của bị cáo N và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKS-TP ngày 02 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, các bị hại không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại ông Lê Đình L2 và bà Lê Thị Hồng Ph2 khai đã nhận 6.000.000đ tiền bồi thường của bị cáo N và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Tòa không xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Đề nghị trả 01(Một) xe mô tô biển kiểm soát 77L1-535.07 nhãn hiệu PIAGGIO, số loại LIBERTY màu sơn trắng; (SK: RP8M73100CV031668; SM: M731M4024312) là tài sản thuộc quyền sở hữu cho anh Trương Văn H1 .

Đề nghị tuyên tiêu hủy 01 con dao dài 40,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26 cm, bản rộng 6,2cm, phần cán bằng gỗ và kim loại dài 14,5cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 57,5cm, rộng nhất 13cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 32,5cm, rộng nhất 11,5cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 21,7cm, rộng nhất 07 cm; 01 Ghế nhựa màu Trắng Xanh bị vỡ còn 01 chân ghế, ghế dài 68cm, tựa lưng có kích thước 37cm x 29,5cm, chân ghế cao 31cm, mặt ghế ngồi kích thước 41,5cm x 31,5cm; 01 mảnh vỡ nhựa màu nâu nhạt kích thước 10,7cm x 9,5cm hiện không có giá trị.

Bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy sai lầm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện T và Viện kiểm sát nhân dân huyện T thu thập nên có căn cứ xác định: Xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác nên vào ngày 02/4/2024 tại thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định bị cáo Trần Văn N sau khi có lời qua tiếng lại với bà Lê Thị Hồng Ph2 thì bị cáo N đã ném chiếc tô nhựa đang đặt trên bàn về phía bà Ph2 nhưng không trúng do đó bà Ph2 đã lấy dao đang chặt gà để đe dọa, xua đuổi bị cáo thì Bị cáo tiếp tục lấy ghế nhựa ra đánh mấy cái vào đầu bà Ph2 làm bà Ph2 chảy máu ở đầu nên bà Ph2 hô hoán. Lúc này ông Lê Đình L2 đang đi dạo trước quán nghe bà Ph2 la thì chạy vào thấy bà Ph2 bị đánh chảy máu nên ông L2 lấy con dao bà Ph2 làm rơi rớt đuổi bị cáo N, bị cáo N tiếp tục dùng ghế nhựa dùng đánh bà Ph2 chống trả và đánh ông L2 té tay. Hành vi của bị cáo N đã dùng ghế nhựa đánh ông L2 và bà Ph2 hậu quả bà Lê Thị Hồng Ph2 bị thương tích 12% và ông Lê Đình L2 bị thương tích 07%.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Văn N là người có khả năng nhận thức được hành vi đánh và gây thương tích cho người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được hậu quả của hành vi đó sẽ xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì xem thường pháp luật, muốn giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực nên bị cáo đã dùng ghế nhựa là hung khí nguy hiểm đánh và gây thương tích cho bà Lê Thị Hồng Ph2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12% và gây thương tích cho ông Lê Đình L2 07%, trong khi bị cáo là người có tiền án, chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó hành vi của bị cáo Trần Văn N đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi cố ý xâm phạm sức

khoẻ của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đồng thời bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân bị cáo là người có tiền án chưa được xoá án tích mà tiếp tục phạm tội. Do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[6] Xét về bồi thường thiệt hại: Người bị hại ông Lê Đình L2 và bà Lê Thị Hồng Ph2 khai đã nhận 6.000.000đ tiền bồi thường của bị cáo N và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Tòa không xét.

[7] Xét về vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 77L1-535.07 nhãn hiệu PIAGGIO, số loại LIBERTY màu sơn trắng; (SK: RP8M73100CV031668; SM: M731M4024312) là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Trương Văn H1 nên tuyên trả lại tài sản trên cho anh Hoà theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 con dao dài 40,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26 cm, bản rộng 6,2cm, phần cán bằng gỗ và kim loại dài 14,5cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 57,5cm, rộng nhất 13cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 32,5cm, rộng nhất 11,5cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 21,7cm, rộng nhất 07 cm; 01 Ghế nhựa màu Trắng Xanh bị vỡ còn 01 chân ghế, ghế dài 68cm, tựa lưng có kích thước 37cm x 29,5cm, chân ghế cao 31cm, mặt ghế ngồi kích thước 41,5cm x 31,5cm; 01 mảnh vỡ nhựa màu nâu nhạt kích thước 10,7cm x 9,5cm hiện không có giá trị nên tuyên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Trong quá trình xảy ra xô xát đánh nhau, bị cáo Trần Văn N khai bị thương tích trầy xước cổ tay phải, chảy máu, rách da ở ngón giữa bàn tay phải do bà Lê Thị Hồng Ph2 và ông Lê Đình L2 dùng dao đánh trúng. Tuy nhiên, N từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị Hồng Ph2 và ông Lê Đình L2.

[9] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Xét những chứng cứ mà kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015 ;

Căn cứ các Điều 106; 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn N 02(Hai) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.
3. Về vật chứng vụ án:

3.1. Tuyên tịch thu và tiêu huỷ 01 con dao dài 40,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26 cm, bản rộng 6,2cm, phần cán bằng gỗ và kim loại dài 14,5cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 57,5cm, rộng nhất 13cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 32,5cm, rộng nhất 11,5cm; 01 mảnh nhựa màu Xanh dài 21,7cm, rộng nhất 07 cm; 01 Ghế nhựa màu Trắng Xanh bị vỡ còn 01 chân ghế, ghế dài 68cm, tựa lưng có kích thước 37cm x 29,5cm, chân ghế cao 31cm, mặt ghế ngồi kích thước 41,5cm x 31,5cm; 01 mảnh vỡ nhựa màu nâu nhạt kích thước 10,7cm x 9,5cm.

3.2. Tuyên trả lại anh Trương Văn H1 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 77L1-535.07 nhãn hiệu PIAGGIO, số loại LIBERTY màu sơn trắng; (SK: RP8M73100CV031668; SM: M731M4024312).

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 10 năm 2024 giữa Công an huyện T, tỉnh Bình Định và Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn N phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 12 tháng 11 năm 2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

